TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh P

Bản án số:13/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 22-02-2024
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM – TỈNH VĨNH LONG

- H phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Bà Phạm Thị Lanh.**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà **Trần Thị Thu Hà.**
2. Ông **Đinh Minh Phương**.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Ngô Thị Quyên -** Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diệnViện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long không tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 02 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 442/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2023, về tranh chấp *"*Hôn nhân và gia đình*"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2024/QĐXX-ST ngày 26 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Kim T** – sinh ngày: 01/01/1983 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Thanh H** - sinh năm: 1984 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp D, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Kim T có đơn xin vắng mặt nhưng tại đơn khởi kiện ngày 14/9/2023 bà Nguyễn Kim T trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Thanh H do quen biết rồi tiến tới hôn nhân có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Quới Trung, huyện Vũng Liêm. Sau ngày cưới vợ chồng bà sống chung gia đình chồng được 07 năm sau đó vợ chồng bà ra sống riêng tự lập. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh P đến tháng 7 năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn do ông H không chăm lo cho gia đình, vợ chồng bất đồng quan điểm, cuộc sống vợ chồng không hạnh P. Bà và ông H đã không còn sống chung với nhau từ tháng 7 năm 2023 cho đến nay. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông H.

- Về con chung: Bà và ông H có 01 người con chung tên Nguyễn Trọng P, sinh ngày 15/11/2005 hiện nay anh P đã thành niên nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung phải thu phải trả của vợ chồng: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông H đã được Tòa án tiến hành niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng cho ông H nhưng ông H không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các phiên tòa xét xử vụ án. Xét việc vắng mặt của ông H không gây trở ngại cho việc xét xử nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H.

Tại phiên tòa hôm nay, đương sự khẳng định không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long giải quyết việc hôn nhân và gia đình giữa bà T và bị đơn ông H, ông H có nơi cư trú tại ấp Rạch Đôi, xã Tân Quới Trung, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Nguyên đơn bà T có đơn xin vắng mặt không tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các phiên tòa sơ thẩm nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn bà T. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông H vắng mặt, Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng cho ông H nhưng ông H cũng không đến Tòa án nên căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông H.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông H do quen biết rồi tiến tới hôn nhân có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Quới Trung, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 25/12/2007 nên quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông H là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống theo bà T trình bày thì thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh P đến tháng 7 năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông H không chăm lo cho gia đình, vợ chồng bất đồng quan điểm, cuộc sống vợ chồng không hạnh P. Bà T và ông H không còn chung sống với nhau từ tháng 7 năm 2023 cho đến nay. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Bà T yêu cầu ly hôn với ông H, ông H vắng mặt nên

căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T.

Về con chung: Bà T và ông H có 01 người con chung tên Nguyễn Trọng P, sinh ngày 15/11/2005, anh P đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông H vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông H vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 9, Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Kim T.

Về hôn nhân: Cho bà Nguyễn Kim T được ly hôn với ông Nguyễn Thanh H.

Về con chung: Bà Nguyễn Kim T và ông Nguyễn Thanh H có 01 người con chung tên Nguyễn Trọng P, sinh ngày 15/11/2005. Anh Nguyễn Trọng P đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Nguyễn Kim T không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông Nguyễn Thanh H vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Bà Nguyễn Kim T không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông Nguyễn Thanh H vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Kim T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Số tiền trên được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà bà Nguyễn Kim T đã nộp theo biên lai thu số N^{0}0000189, ngày 16/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm. Bà Nguyễn Kim T đã nộp đủ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành

án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Vĩnh H;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- UBND xã Tân Quới Trung;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phạm Thị Lanh